

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đỗ Thị Thu Hương Ngày tháng năm sinh: 21/03/1982
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: trường Mầm non Đa Phúc.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Vân Quan- phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 031182000205
ngày cấp: 17/5/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Văn Hiệu Ngày tháng năm sinh: 09/12/1981
- Nghề nghiệp: Trang trí nội thất
- Nơi làm việc (4): Tổ dân phố Vân Quan- phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Vân Quan- phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031081009151
- Ngày cấp: 29/05/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Phạm Thị Thanh Hằng; Tên gọi khác: Không có
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/12/2007; Nơi sinh: Phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.
- Quê quán: Vân Quan, Phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.
- Nơi đăng ký HKTT: Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.
- Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Vân Quan, phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.
- Số CCCD: 031307010142

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Phạm Minh Hiếu. Ngày tháng năm sinh: 05/07/2011
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Vân Quan, phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.
- Số CCCD: 031211020926

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN (5)

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất (6):

1.1. Đất ở (7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ (8): Số 94, tổ dân phố Vân Quan 2- Tổ dân phố Vân Quan, phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.

- Diện tích (9): 96 m²

- Giá trị (10): không xác định được giá trị vì không định giá trị mua bán.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): D 640744, ngày 12 tháng 11 năm 2003; nơi cấp: UBND huyện Kiến Thụy

- Thông tin khác (nếu có) (12): không

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ (8): tổ dân phố Vọng Hải 2- phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.

- Diện tích (9): 110 m²

- Giá trị (10): Không xác định được giá trị vì không định giá trị mua bán.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng(11): DP 532312 cấp ngày 06 tháng 6 năm 2024; nơi cấp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Dương Kinh.

- Thông tin khác (nếu có) (12): Không.

1.2. Các loại đất khác (13): không.

1.2.1. Thửa thứ nhất: không

- Loại đất: Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: số nhà 94 tổ dân phố Vân Quan 2- phường Đa Phúc- quận Dương Kinh- thành phố Hải Phòng

- Loại nhà (14): nhà riêng lẻ

- Diện tích sử dụng (15): tổng diện tích sử dụng 150 m²

- Giá trị (10): 2.000.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: D 640744, ngày 12 tháng 11 năm 2003; nơi cấp: UBND huyện Kiến Thụy

- Thông tin khác (nếu có): không

2.1.2. Nhà thứ 2:

- Địa chỉ: Tổ dân phố Vọng Hải 2- phường Hưng Đạo- thành phố Hải Phòng.

- Loại nhà (14): nhà riêng lẻ

- Diện tích sử dụng (15): tổng diện tích sử dụng 80 m²

- Giá trị (10): không định giá trị mua bán

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: DP 532312 cấp ngày 06 tháng 6 năm 2024; nơi cấp: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Dương Kinh.

- Thông tin khác (nếu có): không

2.2. Công trình xây dựng khác (16): không

2.2.1. Công trình thứ nhất: không

- Tên công trình: Địa chỉ:.....

- Loại công trình: cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị (10):

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): không

3. Tài sản khác gắn liền với đất (17):

3.1. Cây lâu năm (18): không

- Loại cây: Số lượng: Giá trị (10):

- Loại cây: Số lượng: Giá trị (10):

3.2. Rừng sản xuất (19): không

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị (10):

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị (10):

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị (10):

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị (10):

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (20); không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên (21): không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): không

6.1. Cổ phiếu: không

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: không

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp (22): không

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác (23): không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy.....) (24):

- Tên tài sản: xe máy; Số đăng ký: 15L1-109.50; Giá trị: 50.000.000; người đứng tên: Đỗ Thị Thu Hương.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) (25): không

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài (26): không

9. Tài khoản ở nước ngoài (27): không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (28): 559.025.000

- Tổng thu nhập của người kê khai: 325.625.000đ
- Tổng thu nhập của chồng: 120.000.000
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 113.400.000 (lương vận động viên- Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao thành phố Hải Phòng).
- Tổng các khoản thu nhập chung: không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29) (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):.....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng (30)/ giảm (31)		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng	Giá trị tài sản, thu nhập	

	tài sản		
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác	Không	Không	
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác	Không	Không	
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không	Không	
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không	Không	
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không	Không	
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	Không	Không	
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	Không	Không	
8. Tài sản ở nước ngoài.			

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (32).	559.02 5.000		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng thu nhập của người kê khai: 325.625.000đ - Tổng thu nhập của chồng: 120.000.000 - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 113.400.000
---	-----------------	--	---

Hưng Đạo, ngày tháng năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



Bùi Thị Như Huyền

Hưng Đạo, ngày 12 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Đỗ Thị Thu Hương